

PHỤ LỤC SỐ 01:
DỰ TOÁN CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG

Công trình: Sửa chữa nâng cấp đập Đăk Cẩm (Địa bàn xã Ngok Réo - Đợt 2)

TT	Nội dung chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	104.082.000	
1	Chi phí cho Trung Tâm PTQĐ chi nhánh Khu vực Kon Tum	96.832.000	
2	Ủy ban nhân dân xã Ngok Réo	7.250.000	

PHỤ LỤC THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI TIẾT

Công trình: Sửa chữa nâng cấp đập Đăk Cấm - Đợt 2

Địa điểm: xã Ngọc Réo, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-CNKVKT ngày / /2026 của Trung tâm PTQĐ chi nhánh khu vực Kon Tum)

STT	Nội dung công việc	Số người (người)	Ngày công thực hiện (ngày)	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=3*4*5	7
I	Chi phí cho Trung Tâm PTQĐ chi nhánh Khu vực Kon Tum				96.832.000	
1	Chi tổ chức họp với người có đất, chủ sở hữu tài sản trong khu vực thu hồi để phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tiếp nhận ý kiến, tổ chức vận động người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất thực hiện dự án.	8	5	412.000	16.480.000	
2	Chi điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm				-	
3	Chi phối hợp xác minh nguồn gốc đất	2	2	412.000	1.648.000	
4	Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái	3	22	412.000	27.192.000	
5	Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định	4	2	412.000	3.296.000	
6	Chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định	2	4	412.000	3.296.000	
7	Chi thuê nhà làm việc, thuê và mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định				-	
8	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc (bưu chính, điện thoại), xăng xe	Tạm tính			7.500.000	
9	Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				-	

STT	Nội dung công việc	Số người (người)	Ngày công thực hiện (ngày)	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
10	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				37.420.000	
	<i>Chi cho việc họp vận động hộ dân phối hợp kiểm kê</i>				-	
	<i>Chi cho việc nhận mốc GPMB, bàn giao mặt bằng</i>				-	
	<i>Các khoản chi cho bộ phận gián tiếp</i>	2	30	412.000	24.720.000	
	<i>Chi thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước SH, VSMT...)</i>	Phân bổ theo công trình (tạm tính)			2.000.000	
	<i>Chi bảo trì, sửa chữa tài sản phục vụ công tác bồi thường</i>	Phân bổ theo công trình (tạm tính)			4.500.000	
	<i>Chi nước uống họp dân</i>	Phân bổ theo công trình (tạm tính)			200.000	
	<i>Chi hỗ trợ xăng xe</i>	Phân bổ theo công trình (tạm tính)			6.000.000	
	<i>Chi làm thêm giờ</i>	Theo chấm công thực tế				
III	Ủy ban nhân dân xã Ngok Réo				7.250.000	
1	Hỗ trợ tiền công cho cán bộ thôn, xã tham gia phối hợp thực hiện họp với người có đất, chủ sở hữu tài sản trong khu vực thu hồi để phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tiếp nhận ý kiến, tổ chức vận động người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất thực hiện dự	5	3	250.000	3.750.000	Xã Ngok Réo
2	Hỗ trợ tiền công cho cán bộ thôn phối hợp phát tờ khai, hướng dẫn người có đất thực hiện kê khai			250.000	-	
3	Hỗ trợ tiền công cho cán bộ thôn tham gia phối hợp đo đạc, kiểm đếm tài sản			250.000	-	
4	Hỗ trợ tiền công cho cán bộ địa chính và đại diện lãnh đạo UBND xã Ngok Réo thực hiện xác minh nguồn gốc sử dụng đất; tuyên truyền, vận động các hộ gia đình cá nhân cung cấp hồ sơ, tham gia đo đạc kiểm đếm (3 người * 2	3	2	250.000	1.500.000	
5	Chi phí thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 2) (Phòng Kinh tế xã; Phòng Văn hóa - xã hội xã) (mỗi phòng 2 người * 2 ngày)	4	2	250.000	2.000.000	

STT	Nội dung công việc	Số người (người)	Ngày công thực hiện (ngày)	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng				104.082.000	

ĐƠN GIÁ NGÀY CÔNG THAM GIA CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

ĐVT: Đồng

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Hệ số /bảng tiền	HS phụ cấp					Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp	Quỹ tiền lương đóng Bảo hiểm	BHXH, BHYT, BHTN KPCĐ (23,5%)	Tiền lương và các khoản đóng góp/tháng	Đơn giá lương/ngày	Đơn giá bình quân/ngày	Ghi chú
				Hệ số phụ cấp KV	CV	TN VK	TN	CU								
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9=3+4+5+6*3+7+8	10	11	12=11*23,5%	13=10+12	14=13/22		15
1	Nguyễn Minh Vương	Phó Giám đốc	3,99	0,2	0,3				4,49	10.506.600	10.038.600	2.359.071	12.865.671	584.803		
2	Đào Văn Chung	Viên chức	3,66	0,2	0,2				4,06	9.500.400	9.032.400	2.122.614	11.623.014	528.319		
3	Lê Hồng Quang	Viên chức	3,33	0,2					3,53	8.260.200	7.792.200	1.831.167	10.091.367	458.699		
4	Tăng Văn Hào	Nhân viên HD	3,33	0,2					3,53	8.260.200	7.792.200	1.831.167	10.091.367	458.699		
5	Mai Hoàng Vũ	Nhân viên HD	3,33	0,2					3,53	8.260.200	7.792.200	1.831.167	10.091.367	458.699		
6	Huỳnh Trọng Trí	Nhân viên HD	3,00	0,2					3,20	7.488.000	7.020.000	1.649.700	9.137.700	415.350		
7	Võ Thúy Triều	Văn thư	3,03	0,2					3,23	7.558.200	7.090.200	1.666.197	9.224.397	419.291		
8	Lê Thị Tú Trinh	Kế toán	3,00	0,2					3,20	7.488.000	7.020.000	1.649.700	9.137.700	415.350		
9	Ngô Quốc Khương	Nhân viên HD	2,67	0,2					2,87	6.715.800	6.247.800	1.468.233	8.184.033	372.002		
10	Đinh Hoàng Giao	Nhân viên HD	2,41	0,2					2,61	6.107.400	5.639.400	1.325.259	7.432.659	337.848		
11	Lê Thị Thủy	Nhân viên HD	2,67	0,2					2,87	6.715.800	6.247.800	1.468.233	8.184.033	372.002		
12	Lê Lưu An Nguyên	Nhân viên HD	2,34	0,2					2,54	5.943.600	5.475.600	1.286.766	7.230.366	328.653		
13	Lê Ngọc Khánh Huyền	Nhân viên HD	2,34	0,2					2,54	5.943.600	5.475.600	1.286.766	7.230.366	328.653		
14	Ngô Trần Thục Vy	Nhân viên HD	2,34	0,2					2,54	5.943.600	5.475.600	1.286.766	7.230.366	328.653		
15	Trần Bá Hiếu	Nhân viên HD	2,67	0,2					2,87	6.715.800	6.247.800	1.468.233	8.184.033	372.002		
	Tổng cộng									111.407.400	104.387.400	24.531.039	135.938.439	6.179.020	412.000	

*** Ghi chú:**

- Một tháng tính 22 ngày công
- Hệ số lương cơ bản: 2.340.000 đồng
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: 23,5% tiền lương cấp bậc (không bao gồm tiền phụ cấp trách nhiệm).

(BHXH: 17,5%, BHYT: 3%, Kinh phí công đoàn: 2%, Bảo hiểm thất nghiệp 1%)

- Lương ngày: (Lương cấp bậc + Phụ cấp + BHXH, BHYT, BHTN)/22 ngày

